

Nếp sống trên thuyền của người Bồ Lô

PHẠM THANH TỊNH*

Cuộc sống của người Bồ Lô xưa kia diễn ra trên con thuyền cả khi đi câu cá ngoài khơi cũng như khi họ vào nghỉ trong bờ. Đó là không gian xã hội của một gia đình hạt nhân quen thuộc của họ. Cuộc sống hàng ngày diễn ra từ đời này qua đời khác, ăn sâu vào tâm thức, hơn nữa vào trong vô thức của mỗi thành viên trong cộng đồng.

1. Cuộc sống trên thuyền (quan hệ gia đình trên thuyền)

Cả gia đình người Bồ Lô sống chung trên một con thuyền, có khi 2 - 3 cặp vợ chồng (bố mẹ, anh em). Do đó việc quan trọng là phải sắp xếp sao cho gọn nhẹ, đơn giản mà trật tự. Thuyền thường đu đưa trên mặt nước do đó mọi hành động của mỗi người phải chú ý đến cả thuyền, ngồi bên này phải xem bên kia có cân bằng không; đi lại trên thuyền phải nhẹ nhàng. Tất nhiên ở dưới thuyền người ta ngồi là chính; khi đi người ta đi nhón chân. Trẻ con hay nghịch thường bị la. Không gian chật hẹp, con người sống với nhau cũng tự nhiên hơn. Quan hệ xã hội của người Bồ Lô gói gọn trong quan hệ gia đình một vợ một chồng và con cái. Thuyền nào làm ăn theo thuyền nấy. Anh em ruột thịt thường ngày đi biển cũng có gọi nhau, đặc biệt khi có chuyện vui (cưới xin, giỗ tết), chuyện

buồn (tang ma, đau ốm), các thuyền anh em mới nối đuôi nhau theo ông tộc trưởng để hội tụ lại bên bến.

Người Bồ Lô theo chế độ gia trưởng phụ quyền, nhưng không quá chặt chẽ nhiều khê như trên bờ. Người cha là người có uy quyền nhất, mọi việc từ đi biển đánh cá, đến công việc hàng ngày đều do người đàn ông quyết định. Người vợ ngoài việc câu cá còn phải nấu ăn và nhất là đi chợ lên bờ. Bà ta phải lo cái ăn cho cả nhà. Lên bờ ra chợ bà đi nhanh, bán nhanh, mua vội mấy thứ cần như gạo, rau và không quên mua một chiếc bánh đa chia cho cả nhà và cho ông chồng một chút rượu. Vì phải đi biển đầy sóng gió nên trong gia đình rất thương yêu nhau, đoàn kết chia ngọt sẻ bùi mặc dù với một số biểu hiện có vẻ thô, ít tế nhị.

2. Những kiêng kỵ trên thuyền

Trước khi đi biển vợ chồng không được ăn nằm với nhau, phải kiêng để tránh được tai họa. Nếu gia đình có người vừa mất phải tạm ngưng đi biển, nhất là phụ nữ sẩy thai, đẻ non hoặc con chết yểu nhất định không được đi biển. Khi bắt đầu ra biển mọi người phải hô to: May! May!

Dưới thuyền không được huýt sáo, không bước qua phao lưới, cột buồm, tay lái; không được văng tục, không được nói

* Ths. Phạm Thanh Tịnh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

đến beo, hổ, chó, mèo, ma quỷ; không được nhắc đến tên những người đã chết mà chỉ gọi “ông đứt tay, bà rú lở”; không được quăng rổ hoặc úp rổ xuống sạp thuyền; không được đi tiểu tiện ở cột chèo lái; không ăn cơm cháo khê. Bữa cơm đầu tiên trên thuyền chỉ có thức ăn trên đất liền (thịt gà, thịt lợn, rau sống), tuyệt nhiên không có cá và kiêng không để thức ăn thừa. Biển là kho vàng trắng không phải dự trữ. Và người ta tin rằng có như vậy mới đánh bắt được nhiều cá. Đến bữa ăn thức ăn đổ trào ra mâm, ai thích con cá nào thì bốc lên mà ăn.

3. Ăn uống trên biển

Đi biển bắt buộc bữa ăn chỉ có một món rất đơn giản nhưng đủ loại cá. Mùa nào cá nấy, luộc tươi bằng nước biển và chỉ ăn một lửa. Mực ống luộc cắt từng khoanh như khoanh giò, có khi ăn trừ bữa. Cũng có lúc không đánh được con cá nào phải ăn cơm với muối. Bắt được con cá thổng nằm sát đất đưa lên nướng rồi giã nhỏ trộn với bột canh, ít tiêu làm muối ăn với cơm. Ở trên biển người ta quan tâm đến ăn no hơn ăn ngon, chế biến thức ăn phù hợp với tập quán như ăn nguyên chất, thích ăn cay và mặn. Ăn của biển là chính. Ra khơi đánh cá, họ chọn loại cá ngon để nấu thức ăn:

“Cá dở thì hấp hành tươi

Cá ngứa thêm nấm, cá ruồi thêm ngô

Cá thiếu mà nấu măng chua

Một chút canh thừa cũng chớ bỏ đi”

Người Bồ Lô thích ăn nước mắm (nước mắm Hộ Độ).

Mắm có nhiều loại: mắm rươi, mắm ruốc, mắm chua, mắm khúc, mắm cà, mắm kiệu. Người Bồ Lô thích ăn gỏi cá. Họ lựa cá trích tươi làm gỏi. Dùng dao lóc thân cá ra lấy thịt, thái miếng trộn với các thứ gia

vị như chanh, tỏi, nước mắm, hạt tiêu, đường. Nghe họ nói ăn gỏi khỏe người. Người ta còn làm gỏi nuốt (sứa), sứa chân giòn hơn. Nấu cơm trên biển là cả nghệ thuật. Thuyền luôn chao đảo, làm sao giữ nước để cơm sôi chín tới, tránh “cơm khê, cơm sống” mà dân di biển rất kiêng. Phải điều chỉnh hãm lửa ở tư thế nghiêng với mặt biển (khoảng 45°).

Khi ra biển có thêm một bữa ăn phụ vào nửa đêm. Bởi lẽ trước khi ra khơi vào lúc 4 - 5 giờ chiều người ta đã phải ăn cơm chiều. Trong bữa ăn kiêng lật con cá (sợ lật thuyền).

Nếu câu được con đên (rắn biển) người ta cắt đuôi lấy tiết hứng vào bát rượu, xẻ lưng lấy cái mật đổ đổ vào rượu. Khi uống người Bồ Lô cầm bát rượu ngang tầm mắt, lằm rằm khấn thần biển, khê rót một tý xuống biển sau đó mới làm cạn một hơi rồi lấy tay chùi mép. Đi biển họ không bao giờ uống say.

Đi biển người ta dùng chè khô (chè xanh đậm nát, phơi khô). Nấu một nồi nước thật sôi bỏ chè khô vào, một lúc chè sôi bốc hơi thơm lừng, họ rót ra đọi (bát) sứ, chè đặc quánh, gờ cao tay rót cho chè sủi bọt, rồi uống một hơi. Người Bồ Lô hút thuốc lá loa kèn rất nặng. Phụ nữ ăn trầu bầm môi.

Đồ dùng trên thuyền rất đơn giản: nồi đất, bát dền màu da lươn, dùng bát gỗ (hoặc ống bơ sữa bò) đong gạo, mâm gỗ, xúc cơm bằng vỏ vẹm, môi múc làm bằng gáo dừa.

4. Sinh đẻ trên thuyền

Ngày xưa sinh đẻ là chuyện thường nhất là khi người ta đẻ đông con. Khi chưa có trạm xá, người nhà tự đỡ đẻ (sau này thuê bà đỡ ở trên bờ xuống). Khi chuẩn bị

sinh, sản phụ nằm trong khoang chính, người cha cắt từ tấm lưới làm tã lót cho con. Khi sinh người cha dùng cật nứa để cắt rốn và dùng khói vỏ bưởi hơ vào rốn đứa bé cho chóng khô. Người mẹ gói chiếc nhau vào tấm mo khô hay mảnh vải buồm rách rồi vứt xuống biển. Người mẹ nhảy xuống biển tắm cho cả mẹ lẫn con. Từ giây phút đó, đứa bé có mối liên hệ tâm linh với biển cả. Các cụ già người Bồ Lô gọi là “nghiep biển”. Người sản phụ thích để dưới thuyền vì mát mẻ, sạch sẽ, làm gì cũng tiện, không bị hơi đất. Người đàn bà để kiêng ăn nhạt, kiêng ăn chua, kiên ăn canh mà phải ăn mặn, ăn khô. Phải ăn nước mắm cô khô hoặc kho nước mắm với cá (cá đục, cá chai, cá mái là những loại cá được người Bồ Lô dùng cho người đẻ). Ngày xưa, khi còn nghèo, người sản phụ đầu hôm đẻ, sáng mai đã phải ra cầm chèo, có khi được nghỉ vài ngày. Khi chẵn tháng người sản phụ mang hàng lên bán cho người trả giá đầu tiên, gọi là bán “phông long” (ở Đức Thọ gọi là không long). Sau này người đàn bà đẻ mới được nằm than dù nóng bức đến đâu. Từ đây, đứa trẻ, sau khi làm lễ chẵn tháng, mới được ra khỏi buồng, đi đâu phải làm dấu bằng nước trầu hay nhọ nổi bôi lên trán để tránh ma quỷ ám. Người ta không bao giờ khen bé xinh, bé ngoan mà chỉ nói những điều ngược lại “xấu như con cún”. Con trai được gọi là thằng cu, thằng cặc, con gái gọi là con đở, con bẹp. Bố mẹ được gọi là anh Cu, anh Dái, ả Bẹp, ả Đở. Người ta phải chăm lo làm lễ cúng Bà Mụ để bà phù hộ cho bé. Bà Mụ theo quan niệm của người dân là một loại nữ thần. Tương truyền có 12 vị thần nặn ra hình hài thai nhi và che chở dạy dỗ cho bé sau khi lọt lòng mẹ. Để cầu xin Bà Mụ phù hộ cho đứa bé người ta

tổ chức lễ cúng Bà Mụ lúc trẻ sinh được 4 ngày hoặc 9 ngày (để lấy cữ), lúc chẵn tháng, chẵn năm. Vật cúng gồm 12 thứ tương ứng với 12 Bà Mụ.

Tất cả mọi ứng xử với đứa trẻ, với Bà Mụ đều chỉ nhằm một mục đích là để dễ nuôi, chóng lớn.

5. Cưới xin trên thuyền

Ngày xưa người Bồ Lô lấy nhau đơn giản - Gần như là nội hôn, họ lấy nhau người cùng họ cách nhau 4 - 5 đời. Nhờ người làm mối, bố mẹ con trai đến dạm hỏi và sau đó đưa dâu (chỉ có 2 lễ). Khi con gái về nhà chồng, bố mẹ cho nón, quần áo và tiền. Hai bên nhà trai, nhà gái ăn một bữa cơm chung trên một số thuyền của hai họ đậu cạnh nhau. Người Bồ Lô gọi đó là “cưới xin theo kiểu cho không”, nghĩa là không theo tục lệ thành hôn, không ép duyên con cái. Khi chúng nó yêu nhau cha mẹ cho không. Lễ nghi chỉ vẹn vẹn có 2 lễ: lễ hỏi và lễ cưới. Trong lễ hỏi, hai gia đình trai gái ngồi lại với nhau, miếng trầu bát nước, chuyện trò trao đổi rồi thưa với “ông bà gia tiên” bằng nén hương, chén rượu. Sau đó cha mẹ dất đôi lứa đi lạy mặt để trình diện với họ hàng 2 bên. Lễ cưới được tổ chức trên thuyền. Nhiều thuyền anh em đậu sát nhau. Hai họ ăn uống tại nhà trai. Tổ chức lễ cưới thì “cha đưa mẹ đón”. Bố cô dâu đưa con gái về nhà chồng, còn mẹ chú rể thì ra tận đầu mũi thuyền đón con dâu. Khi dâu sang thuyền nhà trai, người ta đã chuẩn bị sẵn một nồi đồng đựng nước sạch trong đó có mấy đồng tiền và một cái chày để trên mâm đập nổi nước (có thể là một tín hiệu phồn thực!). Cô dâu múc nước rửa chân rồi bước vào thuyền. Trong thuyền nhà trai đã trải 2 chiếc chiếu, một sắp một ngựa do một bà có tuổi, đồng con, vợ chồng

song toàn đảm nhiệm. Vào giờ Dậu (tối) vợ chồng ra trước mũi thuyền làm lễ tơ hồng. Đến ngày thứ ba làm lễ “lại mặt” (một dấu tích của cư trú bên vợ) ở nhà bố mẹ vợ.

6. Tang ma trên thuyền

Khi có người qua đời, tang chủ mời anh em đến trong đó quan trọng nhất là người tộc trưởng. Người nhà sắm một coi trầu, chai rượu để trình báo với lý trưởng. Thi hài được đặt nằm dọc thuyền, đầu quay ra biển. Người ta buộc chân tay người quá cố, dùng giấy đỏ hay vải đỏ che mặt và cắt cử người canh giữ. Ngày xưa người Bồ Lô quá nghèo, không mua được áo quan, người nhà phải bó bằng chiếu. Khi khâm liệm người ta bỏ mấy đồng tiền và một ít gạo vào miệng người chết. Theo tín ngưỡng dân gian của người Việt thì người chết phải xuống đò đi qua sông để sang thế giới bên kia. Người nhà phải cho vào miệng chút ít gạo, 2 đồng tiền, chút ít vàng để người chết trả công cho người chèo đò. Tục này gọi là “phạn hàm” (ngậm cơm). Con sông Nại Hà (trong Thập điện hợp thành Âm ti) là thử thách cuối cùng để người chết nếu vượt qua sẽ được tái sinh. Tín ngưỡng dân gian cho rằng, nơi con đò đưa người chết phải có “bến mê”, phải ăn “cháo lú” để quên hết tiền kiếp. Thật ra con sông chỉ có mặt ở đây như ranh giới phân cách hai thế giới. Người ta gọi hồn người chết: nâng lên bỏ xuống ba lần, miệng lẩm nhẩm: “thở lai hoàn” và tiến hành lễ “lấy náy” - Người hành lễ một tay cầm dao, tay kia cầm quần áo người nhà của người quá cố, miệng hô: “ba hồn bảy vía” (nếu là đàn ông), hay “ba hồn chín vía” (nếu là phụ nữ), nhằm mục đích cắt đứt tình cảm của người chết và người sống. Chúng ta gặp lại nghi lễ “đạp

ma” của người Mường sau lễ kẹ (dùng dao chặt đứt tay áo của người chết). Nghi lễ “đạp ma” diễn ra như sau: Người chết nằm cạnh áo quan. Bố Mo đến cạnh người chết, tay trái cầm cây dao lễ mũi nhọn áp vào vai mình, tay phải cầm “cơ néng” (cây sa nhân có uy lực đuổi tà ma), ngâm lên lời cầu khẩn, cuối cùng quét cơ néng 3 lần lên đáy áo quan với câu kết luận: “hồn người sống đi ra, hồn ma đi vào” (cắt đứt tình cảm dính líu giữa người sống và người chết, khẳng định và củng cố sự khác biệt giữa người sống và người chết)⁽¹⁾. Người đi biển sợ nhất là “chết nước” nên họ có nhiều kiêng kỵ. Chết biển thường mất xác, do đó người ta làm tang ma theo tục “chiêu hồn tử tang”. Người ta dùng cây dâu làm xương, dùng đất sét nặn thành da thịt, dùng gạo dừa làm hộp sọ tượng trưng cho hình hài người quá cố và làm đám tang như thật. Có thể nói người dân biển ứng xử với người chết rất chu đáo. Khi có xác chết giạt vào bờ người ta vớt lên và làm ma tử tế.

7. Thờ cúng trên thuyền (đức tin tâm linh)

Do cuộc sống trải dài trên biển cả nhưng lại cư trú trên một chiếc thuyền, cho nên trong tâm thức của họ thì rất phong phú phức tạp, nhưng nghi thức thì lại rất đơn giản. Có hai loại ma được thờ cúng phổ biến: thờ cúng tổ tiên (vì theo quan niệm của người Bồ Lô thì con đi đâu, tổ tiên theo đó) và thờ “bê trên” - một khái niệm, một hình tượng chỉ thần biển. Ma là một khái niệm chỉ linh hồn của con người sau khi đã trút hơi thở cuối cùng. GS Từ Chi đã định nghĩa “ma” là tinh linh của người chết để khu biệt với hồn của người sống⁽²⁾. Với người Bồ Lô, ma trên biển rất nhiều “trong nồm là ngài, ngoài nồm là

ma”. Những người thân khi chết đều trở thành ma, và họ rất sợ ma bắt. Người Bồ Lô cho rằng ở trên bờ có rất nhiều ma và có nhiều loại ma (ứng với các cách bị chết) thì trên biển cũng lắm nhưng lại ít loại ma vì không gian biển trời mênh mông, ít cảnh quan đa dạng như trên bờ. Loại ma mà họ sợ nhất là ma chết trên biển (gọi là ma nước). Đó là loại ma của cái chết “bất đắc kỳ tử” nhưng rất phổ biến và rất nhiều trong xã hội của người đi biển (khác với trên đất liền).

Ở ngoài biển, theo người Bồ Lô có các loại ma:

- Ma nhà trở thành tổ tiên được thờ cúng. Theo triết lý của họ thì con cháu đi đâu bố mẹ theo đó. Họ thờ tổ tiên trong thuyền trên chiếc bàn thờ rất đơn giản chỉ có một “trụ nhang”. Họ không làm giỗ của từng người mà hàng năm họ chọn ngày chung để làm giỗ, bởi lẽ những ngày bão lớn, tang tóc lớn (nhiều người bị chết), có gia đình chết cả nhà, có làng chết hầu hết những người đi biển.

- Thần linh trên biển: Người Bồ Lô làm nghề câu ngoài biển khơi nhiều hiểm họa bất thường do bão sóng gây nên. Khi mà cuộc sống đầy may rủi, khi con người chưa đủ trí tuệ và phương tiện để làm chủ cuộc sống, họ phải viện dẫn đến thần linh - lực lượng siêu nhiên để họ cầu xin được bảo hộ - ở ngoài biển, khi gặp nạn, người ta thắp hương hướng lên trời, hướng xuống biển (trời nước một màu) người ta cầu khẩn một “đấng thiêng liêng”. Người Bồ Lô cũng như cư dân biển gọi là “bê trên”. Có thể hiểu một cách dân giã “bê trên” là biểu tượng tổng hợp những lực lượng siêu nhiên ở ngoài biển. Khác với các lực lượng siêu nhiên trong đất liền đã được định vị trong các thần điện của các tôn giáo, các

tín ngưỡng, ở đây - ngoài biển khơi chỉ có một “bê trên” mà thôi. Nếu khi bắt đầu từ cửa lạch để ra biển người ta phải cúng thần lạch, thần quản với những cái tên cụ thể, thì khi ra biển gặp cơn lốc xoáy, người Bồ Lô thắp hương cầu khẩn, kêu la “bê trên” đến cứu giúp. Họ rắc hoa, gạo và muối cho các sinh linh chết ở biển nhằm kêu gọi khẩn cấp sự hỗ trợ của các “bê trên”. Khi mà thuyền đã lật, cái chết đã đến người ta kêu gào những người thân một cách thảm thiết như kêu mẹ, kêu trời.

Ngoài hai loại ma là “thần linh” hộ mệnh, người Bồ Lô còn quan niệm trên biển có ma cụt đầu, ma trôi. Ma cụt đầu được thể hiện dưới hình thức những cơn gió lốc xoáy, cuốn nước biển cao mấy mét, di chuyển cả lên bờ. Còn ma trôi là loại ma hiện ra dưới hình thức một ngọn đèn (lân tinh) nhấp chồn di chuyển trên biển. Loại ma này rất tinh nghịch hay trêu người. Nếu đi biển mà gặp ma trôi thì đừng bao giờ cho thuyền đi theo nó vì sẽ bị nó lừa lạc hướng

Có thể nói, cuộc sống trên con thuyền của người Bồ Lô dù đơn giản, mộc mạc, nhưng vẫn chứa đựng đầy đủ những yếu tố của nếp sống văn hóa của một cộng đồng cư dân biển, khu biệt với nếp sống văn hóa của cư dân sống trên bờ, nơi mà họ sống “ghé” sau mỗi chuyến đi biển./.

CHÚ THÍCH

1. Xem Trần Từ. Người Mường ở Hòa Bình. Hội Khoa học lịch sử, Hà Nội, 1996, tr. 248 - 253.
2. Xem Trần Từ. Người Mường ở Hòa Bình. Hội Khoa học lịch sử, Hà Nội, 1996, tr. 232 - 254.